

## QUYỂN 42

### 1145. CÚNG DƯỜNG CHỖ ĐÁNG CÚNG<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc<sup>2</sup> đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nên bố thí cho những người nào?

Đức Phật đáp:

– Nay Đại vương! Tùy chỗ tâm ưa thích.

Vua lại hỏi:

– Bố thí chỗ nào thì được quả báo lớn?

Đức Phật đáp:

– Đại vương! Câu hỏi “nên bố thí chỗ nào” khác với câu hỏi “bố thí chỗ nào thì được quả báo lớn.” Hai câu hỏi này khác nhau. Bấy giờ, Như Lai sẽ hỏi Đại vương hãy trả lời theo ý mình. Đại vương! Giả sử đất nước lâm cảnh chiến tranh, liên tập hợp các binh sĩ, trong đó có một thanh niên dòng Bà-la-môn từ phương Đông đến, trẻ người non dạ, sức vóc yếu ớt, tướng mạo đoan chánh, da trắng tóc đen, không tập võ nghệ, không học mưu thuật, sợ hãi tháo lui, không tự an ổn, không kháng nổi địch, hoặc đâm hoặc bắn cũng chẳng biết cách, không thể chống địch. Thế nào, Đại vương? Người như thế Đại vương sẽ trọng thưởng chăng?

Vua bạch Phật:

– Không thưởng, bạch Thế Tôn!

– Cũng thế, Đại vương! Nếu có thanh niên dòng Sát-lợi từ phương Nam đến, thanh niên dòng Tỳ-xá<sup>3</sup> từ phương Tây đến, thanh niên dòng Thủ-đà-la<sup>4</sup> từ phương Bắc đến, không biết võ thuật, đều như thanh niên dòng Bà-la-môn ấy thì nhà vua có trọng thưởng không?

---

<sup>1</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1145. 0304a01). Tham chiếu: *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.68. 0397b03); S. 3.24 - I. 219.

<sup>2</sup> Ba-tư-nặc (波斯匿, Pasenadi).

<sup>3</sup> Tỳ-xá (鞞舍, Vessa).

<sup>4</sup> Thủ-đà-la (首陀羅, Sudda).

Vua bạch Phật:

– Không thương, bạch Thế Tôn!

Phật hỏi nhà vua:

– Khi đất nước hội quân chiến đấu, có thanh niên Bà-la-môn từ phương Đông đến, trẻ khỏe đoan chánh, da trắng tóc đen, khéo giỏi võ nghệ, biết cách chiến đấu, dũng cảm không sợ, quyết chiến không lui, bình tĩnh quán sát, múa đao chống cự, có thể đả thương, phá tan quân địch. Thế nào, Đại vương? Chiến sĩ như vậy được trọng thưởng không?

Vua bạch Phật:

– Được trọng thưởng, bạch Thế Tôn!

– Cũng thế, thanh niên dòng Sát-đế-lợi đến từ phương Nam, thanh niên dòng Tỳ-xá đến từ phương Tây, thanh niên dòng Thủ-đà-la đến từ phương Bắc đều trẻ khỏe đoan chánh, khéo giỏi võ thuật, anh dũng chiến đấu, gian khổ trừ địch, đều như thanh niên Bà-la-môn đến từ phương Đông. Những chiến sĩ này nhà vua có trọng thưởng không?

Vua bạch Phật:

– Có trọng thưởng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật nói:

– Này Đại vương! Cũng thế, có những Sa-môn, Bà-la-môn xa lìa năm chi, thành tựu năm chi, tạo lập phước điền, nếu cúng vào ruộng phước này thì được nhiều phước lợi, được quả báo lớn.

Thế nào là xa lìa năm chi? Đối với tham dục, sân hận, thùy miên, trạo hối, nghi hoặc đã đoạn, đã biết, gọi là xa lìa năm chi.

Thế nào là thành tựu năm chi? Thành tựu giới thân Vô học, định thân Vô học, tuệ thân Vô học, giải thoát thân Vô học, giải thoát tri kiến thân Vô học. Đó gọi là thành tựu năm chi. Này Đại vương! Những người xa lìa năm chi, thành tựu năm chi, tạo lập phước điền như thế, nếu cúng vào ruộng phước này thì được quả báo lớn.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

Múa thương, chiến đấu giỏi,	Người chiến sĩ kiên cường,
Do họ đánh trận hay,	Theo công được trọng thưởng,
Không thương dòng danh tiếng,	Mà khiếp nhược, yếu hèn.
Tu nhân nhục, hiền lương,	Chứng đạo, tạo phước điền,
Đủ luật nghi Hiền thánh,	Thành tựu trí thâm diệu,
Dù dòng dõi thấp kém,	Vẫn xứng làm ruộng phước.
Y, thực, tiền, của báu,	Giường nằm, các vật dụng,
Đều nên cung kính thí,	Đến người trì tịnh giới.
Đông trồng hay mé rừng,	Đào giếng cho bộ hành,

Làm cầu qua khe suối,	Lập quán trọ ven đường,
Chúng đa văn giới đức,	Đi đường được dừng nghỉ.
Thí như mây dày giăng,	Sấm chớp nổ vang rền,
Mưa rơi khắp mặt đất,	Trăm cỏ đều tươi mát,
Cầm thú thấy vui mừng,	Người làm ruộng vui thích.
Cũng thế, tâm tịnh tín,	Văn, tuệ, xả keo bản,
Tài sản, thức ăn nhiều,	Thường thí ruộng phước tốt.
Tặng thêm niềm hân hoan,	Như mưa đông, ruộng tốt,
Công đức chảy tràn khắp,	Thấm ướt tâm thí chủ,
Được danh tiếng, giàu sang,	Và quả lớn Niết-bàn.

Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi lui ra.

\*\*\*

#### 1146. BỐN HẠNG NGƯỜI<sup>5</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

– Thế nào, bạch Thế Tôn? Người dòng Bà-la-môn qua đời rồi có sanh trở lại nhà Bà-la-môn của mình, hay sanh vào nhà Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la?

Đức Phật đáp:

– Nay Đại vương! Đâu được như thế! Đại vương nên biết, có bốn hạng người. Là bốn hạng nào? Có hạng người từ tối vào tối, có hạng người từ tối ra sáng, có hạng người từ sáng vào tối và có hạng người từ sáng ra sáng.

Đại vương! Thế nào là hạng người từ tối vào tối? Nghĩa là có người sanh vào dòng thấp hèn, như sanh vào nhà Chiên-đà-la, nhà người săn bắn, bắt cá, chẻ tre, đẩy xe hoặc những nhà làm nghề hạ tiện khác, nghèo khổ, đoản mạng, hình thể tiều tụy, rồi lại học theo những nghề thấp kém, cũng lại bị những người hạ tiện sai khiến. Đây gọi là tối. Ở trong chỗ tối này, thân lại làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Do nhân duyên này, khi qua đời sẽ sanh vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Giống như có người từ mê vào mê, từ nhà xí vào nhà xí, lấy máu rửa máu, bỏ ác lấy ác, người từ tối vào tối cũng lại như vậy. Đó gọi là từ tối vào tối.

Thế nào là từ tối ra sáng? Nghĩa là có người sanh vào dòng thấp hèn... (cho đến) bị người khác sai làm những điều hèn hạ. Đây gọi là tối. Nhưng người ấy ở trong tối này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Nhờ

<sup>5</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1146. 0304b27). Tham chiếu: *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.69. 0398a01); *Tứ nhân xuất hiện thế gian kinh* 四人出現世間經 (T.02. 0127. 0834c03); S. 3.21 - I. 209.

nhân duyên này, khi qua đời sẽ sanh vào đường lành, được sanh lên cõi trời. Ví như có người từ kiệu lên ngựa, từ ngựa lên voi, người từ tối ra sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là từ tối ra sáng.

Thế nào là người từ sáng vào tối? Nghĩa là có người sanh vào dòng giàu sang cao quý như những nhà Sát-lợi, Bà-la-môn hoặc trưởng giả, là những nhà rất nhiều tiền của, nô tỳ, người làm công và thường nhóm họp thân quyến, bằng hữu, thân thể đoan chánh, thông minh trí tuệ. Đây gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, người ấy thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Do nhân duyên này, khi qua đời sẽ sanh vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Ví như có người từ lầu cao xuống cưỡi voi lớn, từ voi xuống ngựa, từ ngựa xuống xe, từ xe xuống kiệu, từ kiệu xuống đất, từ đất rơi xuống hầm hố. Người từ sáng vào tối cũng lại như thế.

Thế nào là người từ sáng ra sáng? Nghĩa là có người sanh vào nhà giàu sang cao quý... (*cho đến*) hình tướng đoan nghiêm. Đây gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, người ấy thân làm hạnh lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Nhờ nhân duyên này, khi qua đời sẽ sanh vào đường lành, thọ thân cõi trời. Giống như có người từ lầu quán đến lầu quán... (*cho đến*) từ kiệu đến kiệu. Người từ sáng ra sáng cũng lại như thế. Đây gọi là từ sáng ra sáng.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Người bần cùng khốn khổ,	Không niềm tin, sân hận,
Nghĩ điều ác, tham tiếc,	Si mê, không cung kính.
Gặp Sa-môn, Đạo sĩ,	Người trì giới, đa văn,
Chẳng ngợi khen, còn mắng,	Ngăn người cho và nhận.
Những hạng người như thế,	Đời này đến đời sau,
Sẽ rơi vào địa ngục,	Là từ tối vào tối.
Nếu có người nghèo cùng,	Tín tâm, ít sân hận,
Thường sanh tâm hổ thẹn,	Bố thí, lia keo kiệt.
Gặp Sa-môn, Phạm chí,	Người trì giới, đa văn,
Đến thưa hỏi khiêm cung,	Tùy nghi khéo cúng dường.
Khuyên người nên bố thí,	Khen người cho và nhận,
Người tu hành như thế,	Đời này đến đời sau,
Sanh đường lành, cõi trời,	Là từ tối ra sáng.
Người giàu sang cao quý,	Bất tín, nhiều sân hận,
Tham tiếc, ác, ghét ganh,	Tà mê, không cung kính,
Gặp Sa-môn, Phạm chí,	Hủy báng, không ngợi khen,
Cản trở người bố thí,	Cấm ngăn người đến nhận.
Những người ác như thế,	Đời này đến đời sau,
Rơi vào khổ địa ngục,	Là từ sáng vào tối.
Nếu người giàu của cải,	Tín tâm, không sân hận,
Thường có tâm hổ thẹn,	Bố thí, lia keo kiệt.
Gặp Sa-môn, Phạm chí,	Người đa văn, trì giới,

Nghinh tiếp và thưa hỏi,                   Tùy nghi cấp vật dùng.  
Khuyên người nên cúng dường,       Khen người cho và nhận,  
Những người như thế đó,                Từ nay đến đời sau,  
Sanh cõi trời Đao-lợi,                 Là từ sáng ra sáng.

Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi lui ra.

\*\*\*

### 1147. HIỂM HỌA NÚI ĐÁ<sup>6</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào lúc giữa trưa, Vua Ba-tư-nặc thân dính đầy bụi, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên.

Đức Phật hỏi:

– Đại vương từ đâu đến?

Vua đáp:

– Bạch Thế Tôn! Con là vua đã được thọ pháp quán đánh, tự tại giữa cõi người, tinh cần nỗ lực thống lãnh cõi đất, quản lý việc nước, xem xét khắp nơi, rồi đến nơi đây.

Đức Phật bảo:

– Ta nay hỏi Đại vương, hãy tùy ý trả lời. Ví như có người từ phương Đông đến, có tín, có duyên, chưa từng giả dối, tâu với vua rằng: “Thần từ phương Đông đến đây, thấy ngọn núi đá vô cùng to lớn, không thùng không hoại, cũng không khuyết lõm, đang lăn đến đây, tất cả chúng sanh cho đến cỏ cây hoa lá đều bị nghiền nát.” Từ phương Nam, Tây và Bắc cũng có người đến, có tín, có duyên, chưa từng giả dối, cũng đến tâu vua: “Thần thấy núi đá vô cùng to lớn, không bẻ không hoại, cũng không khuyết lõm, đang lăn đến đây, tất cả chúng sanh cho đến cỏ cây hoa lá đều bị nghiền nát.” Đại vương! Ngài nghĩ thế nào? Những cảnh tượng kinh sợ, nguy hiểm như thế xảy đến, chúng sanh mất mạng, thân người khó giữ, phải tính thế nào?

Vua bạch Phật:

– Nếu như thế thì chẳng còn cách nào để tính, chỉ gắng tu thiện, đối với Pháp và Luật của Phật phải chuyên tâm tinh tấn.

Đức Phật hỏi:

– Vì sao mà nói “khi có những việc kinh sợ, nguy hiểm bất chợt xảy đến, chúng sanh mất mạng, thân người khó giữ thì chỉ phải hành pháp, hành nghĩa,

---

<sup>6</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1147. 0305b06). Tham chiếu: *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.70. 0398c09); S. 3.25 - I. 224.

hành phước, đối với giáo pháp của Phật phải chuyên tinh hành trì”? Vì sao không nói là “ngôi vua Quán đảnh, đứng đầu loài người, có thể tự tại, đối với cõi đất, mọi việc, mọi người, vua sẽ quản lý tất cả”?

Vua bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Khi thanh bình mới nói ngôi vua Quán đảnh đứng trên mọi người, thống lãnh cõi đất, quản lý nhiều việc, dùng lời đầu lời, dùng tiền đầu tiên, dùng tượng binh đầu tượng binh, dùng xa binh đầu xa binh, dùng bộ binh đầu bộ binh. Nhưng ngay lúc ấy,<sup>7</sup> không được tự tại, dù thắng hay bại. Thế nên con nói lúc hiểm nguy bất chợt xảy đến, chúng sanh mất mạng, thân người khó giữ, không cách nào khác, chỉ phải hành nghĩa, hành pháp, hành phước, đối với giáo pháp của Phật chuyên tâm quay về nương tựa.

Đức Phật bảo:

– Đại vương! Đúng thế, đúng thế! Trải qua hiểm họa nghiền nát, nghĩa là kiếp ác, già, bệnh, chết, khổ, não nghiền nát chúng sanh thì phải làm thế nào? Cần phải tu nghĩa, tu pháp, tu phước, tu thiện, tu tâm từ, ở trong Phật pháp siêng năng tinh tấn.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Như có núi đá lớn,	To lớn không nát bẽ,
Từ bốn phương lẫn đến,	Nghiền nát đại địa này,
Không binh mã, chú thuật,	Sức lực để phòng ngự.
Như kiếp ác, già, chết,	Thường nghiền nát chúng sanh,
Bốn giai cấp chủng tộc,	Thọ sản Chiên-đà-la.
Tại gia và xuất gia,	Người trì giới, phạm giới,
Tất cả đều bị nghiền,	Không ai cứu giúp nổi.
Do đó người trí tuệ,	Quán sát lợi chính mình,
Tạo dựng lòng tịnh tín,	Tin vào Phật, Pháp, Tăng.
Thân, khẩu, ý thanh tịnh,	Tùy thuận theo Chánh pháp,
Hiện đời được tiếng khen,	Lâm chung sanh cõi trời.

Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi lui ra.

\*\*\*

## 1148. QUÁN XÉT GIỚI HẠNH<sup>8</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

<sup>7</sup> Tức lúc núi đá lăn xuống nghiền nát tất cả.

<sup>8</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.1148. 0305c21). Tham chiếu: *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.71. 0399a19); *Tăng. 增* (T.02. 0125.40.9. 0742b03); S. 3.11 - I. 176.

Bảy giờ, Vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, có bảy người Ni-kiền tử,<sup>9</sup> bảy người Xá-kỳ-la,<sup>10</sup> bảy người Nhất-xá-la,<sup>11</sup> thân thể thô lớn, đi tới đi lui ngoài cửa tinh xá Kỳ Hoàn. Từ xa, Vua Ba-tư-nặc nhìn thấy họ qua lại ngoài cổng, liền từ tòa đứng dậy, đi đến trước họ, chấp tay thăm hỏi và tự giới thiệu mình ba lần: “Tôi là Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la.”

Rồi sau đó, đức Phật hỏi vua:

– Nay có sao ngài lại cung kính những người đó, ba lần tự xưng danh tánh, chấp tay thăm hỏi họ?

Vua thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con nghĩ ở thế gian nếu có những vị A-la-hán thì đó chính là những vị này.

Đức Phật bảo vua:

– Ngài nên dừng lại! Ngài cũng không biết đâu là A-la-hán và đâu không phải A-la-hán, bởi do ngài chưa chứng đắc Tha tâm trí.<sup>12</sup> Cần phải thân cận để quán xét giới hạnh của một con người trong một thời gian dài mới có thể biết rõ, chớ vội phán quyết. Hãy xem xét kỹ, chớ có vội vàng; hãy dùng trí tuệ, không thể vô trí; phải trải qua khổ nạn thì mới có thể tự mình phân biệt rõ ràng; phải tranh luận trong khi kết giao thì mới có thể phân biệt thật giả; phải nghe nói năng trong một thời gian dài thì mới có thể biết rõ, không thể bất ngờ mà biết, phải dùng trí tuệ để tư duy quán sát.

Vua bạch Phật:

– Hay thay, bạch Thế Tôn, khéo nói lý như vậy: “Phải giao tiếp lâu ngày, quán xét giới hạnh của họ... (cho đến) nghe nói năng mới biết rõ.” Con có người nhà cũng đi xuất gia, mang hình tướng như những người kia, đi khắp các nước rồi lại trở về, cởi bỏ y phục và trở lại hưởng thọ năm dục. Do đó, con biết Thế Tôn nói đúng, phải nên cùng họ sống chung, xem xét giới hạnh của họ... (cho đến) nghe lời nói mới biết có trí tuệ hay không.

Bảy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Không do thấy hình tướng,	Biết kẻ ác, người lành,
Không phải mới gặp nhau,	Mà cùng đồng tâm chí.
Hiện thân, khẩu nghiêm mật,	Tâm tục, không thúc liễm,
Cũng như thiết, đá, đồng,	Phết lên lớp vàng ròng.
Trong ôm tâm tạp nhiễm,	Ngoài hiện Thánh oai nghi,
Đi khắp các cõi nước,	Lừa dối khắp mọi người.

<sup>9</sup> Ni-kiền tử (尼乾子, Nigantha): Người sáng lập Kỳ-na giáo (Jain).

<sup>10</sup> Xá-kỳ-la (闍祇羅, Jaṭila): Đạo sĩ bện tóc.

<sup>11</sup> Nhất-xá-la (一舍羅, Ekasāṭaka): Đạo sĩ chỉ mang một y.

<sup>12</sup> Tha tâm trí (他心智, Cetopariyañāṇam): Trí biết được tâm niệm của người khác.

Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi lui ra.

\*\*\*

### 1149. BẢY VỊ VUA<sup>13</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, cả thầy bảy vị quốc vương do Vua Ba-tư-nặc đứng đầu, cùng các đại thần nhóm họp rồi luận nghị như vậy:

– Trong năm dục thì dục nào bậc nhất?

Có người nói:

– Sắc là bậc nhất.

Lại có người nói:

– Thanh, hương, vị, xúc là bậc nhất.

Trong đó lại có người nói:

– Chúng ta mỗi người đều nói lên cái nhất của mình rồi, nhưng cuối cùng không thể xác quyết. Nay chúng ta cùng nhau đến chỗ Thế Tôn hỏi về nghĩa này, Thế Tôn dạy thế nào thì chúng ta hãy cùng ghi nhớ.

Thế rồi, Vua Ba-tư-nặc dẫn đầu, cả thầy bảy vị quốc vương cùng các đại thần, quyền thuộc đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con gồm bảy vị vua cùng các đại thần luận nghị như vậy: “Trong năm loại dục thì dục nào thù thắng hơn cả?” Có người nói sắc thù thắng, có người nói thanh thù thắng, có người nói hương thù thắng, có người nói vị thù thắng, có người nói xúc thù thắng, rốt cuộc không thể xác định. Thế nên, nay chúng con mới đến đây xin hỏi Thế Tôn, rốt cuộc thì cái nào thù thắng hơn cả?

Đức Phật đáp:

– Mỗi vị đều nói tùy theo ý thích riêng của mình, còn Ta thì nói khác. Do bởi nhân duyên này nên Ta nói về năm loại dục. Thật vậy, sẽ có người vừa ý đối với sắc, chỉ yêu thích một loại sắc là đã thỏa mãn chí nguyện của mình. Giả sử có sắc khác đẹp hơn, nhưng không phải là thứ yêu thích nên người ấy không màng đến, không thêm nhìn và cho rằng sắc mình yêu thích ấy là bậc nhất, không gì hơn được. Giống như người yêu thích sắc, người yêu thích thanh, hương, vị, xúc cũng lại như thế. Ngay nơi thứ mình yêu thích liền cho đó là thù

<sup>13</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1149. 0305c21). Tham chiếu: *Tạp. 別雜* (T.02. 0100.72. 0399b28); *Tăng. 增* (T.02. 0125.33.1. 0681c16); S. 3.12 - I. 79.

thắng rồi vui mừng đấm niêm, những thứ không ưa muốn thì không màng đến, không thèm nhìn, chỉ cho rằng thứ mình yêu thích là tối thắng, tối diệu, không gì sánh bằng, không gì hơn được.

Bấy giờ, giữa hội chúng có một ưu-bà-tắc tên là Chiên-đàn<sup>14</sup> từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, chấp tay bạch Phật rằng:

– Thế Tôn nói rất đúng! Thiện Thệ nói rất hay!

Đức Phật bảo ưu-bà-tắc:

– Chiên-đàn rất khéo nói! Chiên-đàn thật khéo nói!

Khi ấy, ưu-bà-tắc Chiên-đàn liền nói kệ rằng:

Vua Ương-già quý tộc,	Mặc áo giáp Anh lạc,
Dân Ma-kiệt vui họp,	Như Lai hiện nước này.
Danh tiếng lan truyền khắp,	Như núi chúa Tuyết Sơn,
Như hoa sen thanh khiết,	Thanh tịnh không tí vết.
Nở theo ánh mặt trời,	Hương thơm xông khắp nước,
Sáng rỡ nước Anh-kỳ,	Như mặt trời giữa không.
Quán trí tuệ Như Lai,	Như đêm đốt đuốc sáng,
Là mắt, là ánh sáng,	Người đến, thoát nghi ngờ.

Khi ấy, bảy vị vua đều khen ngợi rằng: “Ưu-bà-tắc Chiên-đàn nói hay quá!” Rồi bảy vua đều cởi áo choàng bảy báu tặng cho Chiên-đàn.

Sau khi bảy vị quốc vương nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đứng dậy rồi ra đi.

Bấy giờ, ưu-bà-tắc Chiên-đàn biết bảy vua đã đi rồi, liền đứng dậy sửa lại y phục, bày vai phải, chấp tay bạch Phật:

– Hôm nay, bảy vị vua đã tặng cho con bảy chiếc áo, cúi xin Thế Tôn vì lòng thương xót mà thọ nhận bảy chiếc áo này!

Bấy giờ, đức Phật vì lòng thương xót nên thọ nhận bảy chiếc áo đó, ưu-bà-tắc Chiên-đàn hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi lui ra.

\*\*\*

## 1150. ĂN UỐNG BIẾT CHỪNG MỰC<sup>15</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc thân thể mập mạp, mồ hôi nhễ nhại, đi đến chỗ Phật, lay sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, hơi thở hỗn hển.

<sup>14</sup> Chiên-đàn (梅檀), P. Candanaṅgalika.

<sup>15</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.1150. 0306c02). Tham chiếu: *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.73. 0400a01); S. 3.13 - I. 81.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Vua Ba-tư-nặc:

– Đại vương thân thể mập quá!

Vua bạch Phật:

– Đúng thế, bạch Thế Tôn! Con đang lo lắng về cái thân quá mập này, rất hổ thẹn và khổ sở vì nó.

Thế Tôn liền nói kệ:

Người nên tự buộc niệm,	Ăn uống biết chừng mực,
Thì các thọ giảm dần,	An ổn và sống lâu.

Khi ấy, có một thiếu niên tên là Uất-đa-la ngồi giữa hội chúng, Vua Ba-tư-nặc liền bảo Uất-đa-la rằng:

– Khanh hãy theo Thế Tôn thọ trì bài kệ Ngài vừa nói, đến mỗi bữa ăn thì đọc lên cho ta nghe được chăng? Nếu được ta sẽ ban cho mười vạn tiền vàng và cũng thường ban cho thức ăn.

Uất-đa-la tâu:

– Xin tuân lệnh, thân sẽ đọc tụng!

Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về.

Khi ấy, Uất-đa-la biết vua đã đi rồi, liền đến trước Thế Tôn xin thọ bài kệ ấy, rồi đến mỗi bữa ăn đều tụng lên cho vua nghe như vậy: “Tâu Đại vương! Như đức Phật, Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc Đấng Thấy Đã Biết đã nói kệ này:

Người nên tự buộc niệm,	Ăn uống biết chừng mực,
Thì các thọ giảm dần,	An ổn và sống lâu.”

Từ đó về sau, Vua Ba-tư-nặc thân thể gọn gàng, dung mạo đoan chánh, lên trên lầu hướng về chỗ Phật, cung kính chấp tay, gối phải quỳ sát đất rồi nói ba lần như vậy: “Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đã ban cho con lợi ích trong hiện tại, lợi ích ở đời sau. Đời này và đời sau đều được lợi ích nhờ ăn uống biết tiết độ.”

\*\*\*

### 1151. THIẾU NIÊN A-TU-LA<sup>16</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại nước Xá-vệ.

Khi ấy, có một thiếu niên tên là A-tu-la đi đến chỗ Phật rồi dùng những lời bất thiện, thô ác, sân hận, mắng chửi, chỉ trích trước mặt đức Phật.

<sup>16</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.1151. 0306c26). Tham chiếu: *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.74. 0400a23); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0101.25. 0498b25); S. 7.3 - I. 163.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Không sân thắng sân hận,	Hiền thiện thắng hung tàn,
Bồ thí thắng xan tham,	Lời thật thắng hư dối.
Không mắng chửi, bạo ngược,	Thường trụ tâm Thánh hiền,
Dù người ác hận sân,	Vẫn bất động như núi.
Chế ngự cơn giận dữ,	Hơn kèm xe ngựa cuồng,
Ấy người đánh xe giỏi,	Chẳng phải người cầm cương.

Bấy giờ, thiếu niên A-tu-la bạch Phật rằng:

– Thưa Cù-đàm! Nay con xin sám hối, con thật ngu si, không biết phân biệt đâu là bất thiện, ở trước mặt Cù-đàm mà dám trách mắng, hủy nhục!

Sám hối như vậy xong, A-tu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi lui ra.

\*\*\*

### 1152. THIẾU NIÊN TÂN-KỶ-CA<sup>17</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, có thiếu niên Bà-la-môn tên là Tân-kỳ-ca đi đến chỗ Phật rồi dùng những lời bất thiện, thô ác, sân hận, mắng chửi, chỉ trích trước mặt đức Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi thiếu niên Tân-kỳ-ca:

– Vào những ngày lành tháng tốt, người có thường chiêu đãi bà con quyến thuộc hay không?

Tân-kỳ-ca đáp:

– Có chứ! Thưa Cù-đàm!

Đức Phật hỏi:

– Nếu thân quyến của người không thọ nhận thức ăn thì phải làm sao?

Tân-kỳ-ca đáp:

– Nếu họ không nhận, thức ăn ấy vẫn thuộc về tôi.

Phật bảo Tân-kỳ-ca:

– Người cũng như vậy! Trước mặt Như Lai, người nhục mạ, trách mắng bằng những lời bất thiện, thô ác nhưng Như Lai lại không nhận lấy thì những lời trách mắng ấy thuộc về ai?

Tân-kỳ-ca đáp:

– Đúng thế, Cù-đàm! Tuy ông không nhận, nhưng tôi đã biếu tặng ông rồi thì xem như là đã cho.

<sup>17</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1152. 0307a10). Tham chiếu: *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.75. 0400b10); S. 7.2 - I. 161.

Đức Phật bảo Tân-kỳ-ca:

– Như thế không thể gọi là biếu tặng nhau, đâu thể bảo là đã trao cho nhau.

Tân-kỳ-ca hỏi:

– Thế nào mới gọi là biếu tặng nhau, thế nào gọi là đã trao cho nhau? Thế nào là không nhận quà biếu tặng nhau, cũng không thể gọi là đã trao cho nhau?

Đức Phật bảo Tân-kỳ-ca:

– Nên biết như vậy: Biếu tặng sự mắng chửi thì được đáp trả bằng sự mắng chửi, tặng sự sân hận thì được đáp trả bằng sự sân hận, tặng sự đánh đập thì được đáp trả bằng sự đánh đập, tặng sự tranh đấu thì được đáp trả bằng sự tranh đấu, như vậy mới gọi là biếu tặng lẫn nhau, mới gọi là đã trao cho nhau.

Lại nữa, này Tân-kỳ! Nếu được ban tặng sự mắng chửi nhưng không đáp trả bằng sự mắng chửi, được tặng sự sân hận mà không đáp trả bằng sự sân hận, được tặng sự đánh đập nhưng không đáp trả bằng sự đánh đập, được tặng sự tranh đấu mà không [đáp] trả bằng sự tranh đấu, vậy thì chẳng thể gọi là biếu tặng cho nhau, chẳng thể gọi là đã trao cho nhau.

Tân-kỳ-ca thưa:

– Cù-đàm! Tôi từng nghe xưa kia có Trưởng lão kỳ đức Bà-la-môn, bậc Đại sư hành đạo nói rằng: “Đáng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác khi bị mắng chửi, nhục mạ, sân hận, quở trách thì không sân không hận” nhưng nay Cù-đàm lại khởi sân hận?

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ:

Không sân, đâu nổi sân?	Chánh mạng nhờ điều phục,
Chánh trí, tâm giải thoát,	Người trí không sân hận.
Lấy sân để trả sân,	Ấy chính là người ác,
Không lấy sân trả sân,	Người trí khéo điều phục.
Không sân thắng sân hận,	

(Ba đoạn kệ tiếp theo nói như ở kinh 1151 trên).

Bấy giờ, thiếu niên Tân-kỳ-ca bạch Phật:

– Thưa Cù-đàm! Con xin sám hối, con thật ngu si, không phân biệt đâu là bất thiện, ở trước Sa-môn Cù-đàm mà dám nhục mạ, trách mắng bằng những lời bất thiện, thô ác.

Tân-kỳ-ca nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi lui ra.

\*\*\*

### 1153. BUÔNG BỎ THẮNG THUA<sup>18</sup>

Tôi nghe như vậy:

<sup>18</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1153. 0307b10). Tham chiếu: *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.75. 0400b10); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.76. 0400c11); S. 7.2 - I. 161.

Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mẫu ở Đông Viên,<sup>19</sup> thuộc nước Xá-vệ.

Buổi chiều, sau khi xả thiền, Thế Tôn đến dưới bóng mát phía Đông giảng đường rồi kinh hành ở khoảng đất trống.

Khi ấy, có Bà-la-môn tên là Kiện-mạ Bà-la-đậu-bà-giá<sup>20</sup> đến chỗ Phật rồi dùng những lời bất thiện, thô ác, mắng chửi, chỉ trích trước mặt đức Phật.

Thế Tôn kinh hành, ông ta cứ đi theo sau. Khi Thế Tôn kinh hành xong, dừng lại một chỗ thì Bà-la-môn đó hỏi:

– Cù-đàm chịu thua rồi chăng?

Thế Tôn liền nói kệ:

Người thắng thì thêm oán,	Người thua nằm không yên,
Thắng, thua đều buông bỏ,	Được giấc ngủ an yên.

Rồi thì, Bà-la-môn ấy bạch Phật.

– Thưa Cù-đàm! Con xin sám hối! Con thật ngu si, không biết phân biệt đâu là bất thiện, sao lại ở trước mặt Cù-đàm mà dám phát ra những lời thô ác, bất thiện, mắng nhiếc, quở trách như thế chứ!

Khi ấy, Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi ra đi.

\*\*\*

## 1154. TUNG BỤI NGƯỢC GIÓ<sup>21</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mẫu ở Đông Viên,<sup>22</sup> thuộc nước Xá-vệ.

Sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc ấy, Bà-la-môn Kiện-mạ Bà-la-đậu-bà-giá từ xa nhìn thấy Thế Tôn, liền phát ra những lời thô ác, bất thiện, mắng chửi, quở trách, lại còn tung bụi đất vào người đức Phật. Khi ấy, bỗng có cơn gió nghịch, thổi bụi bay ngược lại dính đầy thân ông ta.

Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu người không sân hận,	Bị nhục mạ bao lần,
Vẫn thanh tịnh, không nhen,	Ác trở về người chửi,
Như dùng bụi ném người,	Ngược gió, bụi lấm thân.

<sup>19</sup> Đông Viên Lộc Tử Mẫu giảng đường (東園鹿子母講堂). Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.58. 0014b12).

<sup>20</sup> Kiện-mạ Bà-la-đậu-bà-giá (健罵婆羅豆婆遮, Akkosaka Bhāradvāja).

<sup>21</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1154. 0307b23). Tham chiếu: *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.77. 0400c27); S. 7.4 - I. 164.

<sup>22</sup> Đông Viên Lộc Tử Mẫu giảng đường (東園鹿子母講堂). Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.58. 0014b12).

Khi ấy, Bà-la-môn bạch Phật:

– Thưa Cù-đàm! Con xin sám hối! Con thật ngu si, không biết phân biệt đâu là bất thiện, sao lại ở trước mặt Cù-đàm mà dám phát ra những lời thô ác, bất thiện, mắng nhiếc, quả trách như thế chứ!

Khi ấy, Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi ra đi.

\*\*\*

### 1155. BÀ-LA-MÔN VI NGHĨA<sup>23</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hành trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đến vườn Cấp Cô Độc, trú trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, có Bà-la-môn tên là Vi Nghĩa<sup>24</sup> nghe tin Sa-môn Cù-đàm du hành trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đến vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ, liền khởi niệm như vậy: “Ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để nghe thuyết pháp, rồi phản bác lại giáo nghĩa ấy.” Nghĩ như vậy xong, ông ấy liền đến tinh xá, tìm vào chỗ Thế Tôn.

Bấy giờ, vô lượng quyến thuộc đang vây quanh Thế Tôn nghe thuyết pháp. Thế Tôn từ xa nhìn thấy Bà-la-môn Vi Nghĩa đi đến, liền an trú trong yên lặng.

Bà-la-môn Vi Nghĩa thưa:

– Cù-đàm hãy thuyết pháp! Tôi mong muốn nghe.

Thế Tôn liền nói kệ:

Bà-la-môn Vi Nghĩa,	Chưa hiểu nghĩa sâu xa,
Trong lòng sân, ganh ghét,	Chướng ngại đạo pháp này.
Điều phục tâm chống báng,	Những ý nghĩ bất mãn,
Dứt hết các chướng ngại,	Mới hiểu nghĩa thâm diệu.

Khi ấy, Bà-la-môn Vi Nghĩa nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.”

Sau khi nghe đức Phật dạy xong, Bà-la-môn ấy hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

\*\*\*

### 1156. BÀ-LA-MÔN BÁT HẠI<sup>25</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

<sup>23</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1155. 0307c07). Tham chiếu: *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.78. 0401a12); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0101.7. 0495a01); S. 7.16 - I. 179.

<sup>24</sup> Vi Nghĩa (違義, Paccanīkasāta).

<sup>25</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1156. 0307c22). Tham chiếu: *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.79. 0401b02); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0101.26. 0498c10); S. 7.5 - I. 164.

Sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khi ấy, có Bà-la-môn tên Bất Hại<sup>26</sup> đi đến chỗ Phật, thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn! Con tên Bất Hại, tên ấy có xứng đáng với con không?

Đức Phật bảo:

– Như thế này mới xứng đáng! Thân không gây hại, miệng không gây hại và tâm không gây hại, đây mới là xứng đáng.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu thân không sát hại, <sup>27</sup>	Miệng, ý cũng như thế,
Ấy là lia sát hại,	Không khùng bố chúng sanh.

Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Bất Hại nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi ra đi.

\*\*\*

### 1157. BÀ-LA-MÔN HỎA DỮ<sup>28</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá.

Sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá tuần tự khát thực rồi dừng lại trước nhà Bà-la-môn Hỏa Dữ.<sup>29</sup>

Từ xa trông thấy đức Phật đi đến, Bà-la-môn liền đem thức ăn ngon cúng dường đầy bát Thế Tôn. Hai ba ngày liên tiếp như vậy, Thế Tôn cứ đến nhà này khát thực, Bà-la-môn Hỏa Dữ từ xa trông thấy Phật lại đến, liền nghĩ rằng: “Sa-môn trọc đầu này sao cứ đến đây mãi, vì tham thức ăn ngon chăng?”

Bấy giờ, Thế Tôn biết được ý nghĩ của Bà-la-môn Hỏa Dữ, liền nói kệ:

Trời mỗi ngày đổ mưa,	Nông phu ngày đêm cày,
Thường gieo trồng thóc giống,	Ruộng ấy lúa thường thu.
Như mẹ mang thai con,	Bò sữa mang thai nghé,
Đối với người đến xin,	Luôn có lòng bố thí,
Do thường hay bố thí,	Nên luôn được tiếng thơm.
Nhiều lần bỏ thân chết,	Nhiều lần khóc lụy thương,

<sup>26</sup> Bất Hại (不害, Ahimsaka).

<sup>27</sup> Nguyên tác: Nhược tâm bất sát hại, khẩu ý diệc câu nhiên (若心不殺害, 口意亦俱然). Chữ “tâm” (心) có khả năng bị chép nhầm chữ “thân” (身). Tham chiếu: S. 7.5 - I. 352: *Yo ca kāyena vācāya, manasā ca na hiṃsati* (Ai với thân, miệng, ý / Không làm hại một ai), HT. Thích Minh Châu dịch. *Biệt Tạp*. 別雜 (T.02. 0100.79. 0401b08): Thân bất hủy hoại / Khẩu ý diệc nhiên (身不毀害, 口意亦然). Bản dịch bổ sung theo sự tham chiếu.

<sup>28</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1157. 0308a03). Tham chiếu: *Biệt Tạp*. 別雜 (T.02. 0100.80. 0401b11); S. 7.12 - I. 173.

<sup>29</sup> Hỏa Dữ Bà-la-môn (火與婆羅門). S. 7.12 - I. 173: Kasibhāradvāja Brāhmaṇa (Bà-la-môn Kasi Bhāradvāja). Sn. 1.4 - 12, Sundarikā Bhāradvāja, là vị Bà-la-môn cúng tế lửa bên bờ sông Sundarikā. Bản Hán chưa xác định rõ ràng về 2 vị Bà-la-môn này.

Cứ sanh rồi lại tử, Vẫn thường châm lửa đốt, Nếu đắc đạo Hiền thánh, Cũng không mãi sống chết, Không mãi bị lửa đốt,	Cứ mãi khổ, đau buồn, Vẫn thường bị trùng ăn. Khỏi mãi chịu trầm luân, Không mãi khổ, đau buồn, Không mãi bị trùng ăn.
--	--

Bấy giờ, Bà-la-môn Hỏa Dữ nghe đức Phật nói kệ xong, liền phát khởi tín tâm trở lại, liền đem thức ăn đầy bát cúng dường lên Phật, nhưng Thế Tôn không nhận vì do nói kệ mới được cúng. Rồi Ngài lại nói kệ:

Khi thuyết giảng kệ, pháp, Quán sát pháp do đâu, <sup>30</sup> Bà-la-môn nên biết, Lần khác nên cúng dường, Đã sạch hết hữu lậu, Đem thức ăn cúng dường, Nếu muốn gieo phước đức,	Không nên nhận thức ăn, Thuyết pháp, không thọ thực, Đó là sống trong sạch. Bậc Đại Tiên thuần tịnh, Đã dứt mọi nhiễm ô. Đến ruộng phước tốt ấy, Thì ruộng Ta là tốt.
---	---

Bà-la-môn Hỏa Dữ bạch Phật:

– Nay thức ăn này nên đặt nơi đâu?

Đức Phật bảo:

– Ta không thấy chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, thiên thần hay người nào có thể thọ dụng thức ăn của tín thí này mà thân được an lạc. Vậy ông nên đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng hoặc chỗ đất ít có cỏ mọc.

Khi ấy, Bà-la-môn liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng, nước liền bốc khói, sôi lên nghe xèo xèo. Ví như bỏ viên sắt nung đỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, phát ra tiếng xèo xèo. Cũng thế, Bà-la-môn đem thức ăn này bỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, phát ra tiếng xèo xèo. Khi ấy, Bà-la-môn Hỏa Dữ khen rằng:

– Kỳ lạ thay! Cù-đàm đức độ lớn, oai lực lớn, có thể khiến thức ăn này hiện thân biến.

Do thấy thức ăn hiện thân biến như thế, Bà-la-môn Hỏa Dữ phát tâm kính tín, đánh lễ sát chân Phật, đứng qua một bên rồi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nay con có thể ở trong Chánh pháp để xuất gia, thọ giới Cụ túc và tu Phạm hạnh chăng?

Đức Phật đáp:

– Ông nay có thể ở trong Chánh pháp mà xuất gia, thọ giới Cụ túc!

<sup>30</sup> Nguyên tác: Đương quán sát tự pháp (當觀察自法). Tự (自) dùng trong nghĩa từ đâu đến, do duyên gì (由來, 緣由).

Sau khi xuất gia rồi, vị ấy thường suy nghĩ đến lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác y cà-sa, có lòng tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo... (cho đến) đắc quả A-la-hán, tâm hoàn toàn giải thoát.<sup>31</sup>

\*\*\*

### 1158. VỢ CHỒNG BÀ-LA-MÔN<sup>32</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, nước Xá-vệ có thiếu phụ Bà-la-môn tên là Bà-tứ-tra<sup>33</sup> rất kính tin Phật, Pháp, Tăng; đã quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo-tăng; đối với Phật, Pháp, Tăng đã dứt hết nghi ngờ; đối với khổ, tập, diệt, đạo<sup>34</sup> đã dứt hết nghi ngờ; đã chứng quả nhờ thấy chân lý,<sup>35</sup> được Vô gián tuệ.<sup>36</sup> Chồng của bà là Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá.<sup>37</sup>

Khi làm bất cứ việc gì, có chút ít được mất, bà liền xưng niệm “Nam-mô Phật” và hướng về phương mà Như Lai đang trú, chắp tay nói ba lần: “Nam-mô Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác,<sup>38</sup> thân sắc vàng ròng, tỏa sáng một tâm, thân thể đầy đặn như cây Ni-câu-luật, khéo nói Diệu pháp, đáng Mâu-ni tôn quý, bậc Tiên Nhân thượng thủ, là Đại sư của con!”

Chồng của bà nghe vậy, nổi giận không vui, liền nói với vợ mình:

– Bà bị quỷ ám chăng? Không có lý gì mà bà lại bỏ các Bà-la-môn đức lớn và đầy đủ tam minh<sup>39</sup> rồi đi xưng tán lão Sa-môn trọc đầu ấy. Ông ta là hạng người hắc ám, đời không ai khen. Bấy giờ, tôi sẽ đến tranh luận với ông thầy của bà, sẽ biết rõ ai hơn ai.

Người vợ nói với chồng:

– Tôi chưa từng thấy chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn và người nào mà có thể cùng tranh luận với Thế Tôn, đáng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng

<sup>31</sup> Nguyên tác: Thiện giải thoát (善解脫, *suvimutta*). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển 1, tr. 19; *Tap. 雜* (T.02. 0099.22. 0004c20).

<sup>32</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.1158. 0308b20). Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.1116. 0295b24); *Tap. 雜* (T.02. 0099.1309. 0360b03); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.81. 0401c20); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.45. 0388c27); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.308. 0478c06); *Pháp cú kinh 法句經* (T.04. 0210.2. 0568a02); *Xuất diệu kinh 出曜經* (T.04. 0212.20. 0713b05); *Pháp tập yếu tụng kinh 法集要頌經* (T.04. 0213.2. 0787a08); S. 1.71 - I. 41; S. 2.3 - I. 47; S. 7.1 - I. 160; S. 11.21 - I. 237.

<sup>33</sup> Bà-tứ-tra (婆肆吒).

<sup>34</sup> Nguyên tác: Khổ, tập, tận, đạo (苦習盡道).

<sup>35</sup> Nguyên tác: Kiến đế đắc quả (見諦得果): Thấy rõ chân lý, chứng quả Dự lưu.

<sup>36</sup> Bản Tổng, Nguyên, Minh ghi: Vô văn tuệ (無聞慧). Có thể là “Vô gián đẳng” (無間等), chỉ cho quả vị Dự lưu.

<sup>37</sup> Bà-la-đậu-bà-giá (婆羅豆婆遮, *Bhāradvāja*).

<sup>38</sup> Nguyên tác: Nam-mô Đa-đa-a-già-độ, A-la-ha, Tam-miêu-tam Phật-đà (南無多陀阿伽度, 阿羅呵, 三藐三佛陀, *Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa*).

<sup>39</sup> Tam minh (三明) chỉ cho việc tinh thông 3 bộ Vệ-đà.

Chánh Giác, thân sắc vàng ròng, tỏa sáng một tâm, thân thể đầy đặn như cây Ni-câu-luật, là bậc Tiên Nhân thượng thủ, khéo nói pháp vi diệu, là Đại sư của tôi. Nhưng nay ông hãy cứ đến, tự mình sẽ biết.

Thế rồi, Bà-la-môn ấy liền đến chỗ Phật, thăm hỏi nhau xong liền ngồi xuống một bên rồi dùng kệ hỏi Phật:

Đoạn trừ <sup>40</sup> những thứ gì,	Ngủ nghỉ được an ổn?
Đoạn trừ những thứ gì,	Để tâm không lo buồn?
Đoạn trừ những thứ gì,	Được Cù-đàm khen ngợi?

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-la-môn, liền nói kệ đáp:

Người đoạn trừ sân hận,	Ngủ nghỉ được bình an,
Người đoạn trừ sân hận,	Thì tâm không lo buồn.
Sân hận là gốc độc,	Làm hại hạt giống tốt,
Khéo dứt trừ sân hận,	Được Thánh hiền ngợi khen,
Khéo dứt trừ sân hận,	Tâm sẽ không buồn lo.

Bấy giờ, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá nghe đức Phật giảng thuyết, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Rồi Phật thuyết pháp theo thứ lớp, nghĩa là nói về bố thí, nói về trì giới, nói về pháp sanh thiên, nói về mê đắm dục lạc là tai họa phiền não, rồi lại phân biệt nói rộng về thanh tịnh nhờ giải thoát, viên ly, tùy thuận phước lợi thanh tịnh. Như tấm vải trắng dễ nhuộm màu, cũng vậy, Bà-la-môn ấy ngay tại chỗ ngồi đã không còn ngăn ngại đối với bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Nghĩa là Bà-la-môn ấy đã thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thể nhập giáo pháp, thoát khỏi nghi hoặc, không do ai khác mà được độ thoát, ở trong Pháp, Luật, được vô sở úy.

Thế rồi, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa bày vai phải, chấp tay bạch Phật:

– Con đã được độ, bạch Thế Tôn! Con đã được độ, bạch Thiện Thệ! Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng, từ nay cho đến trọn đời nguyện làm một ưu-bà-tắc, xin Ngài chứng tri cho con.

Bấy giờ, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi lui ra, trở về nhà của mình.

Người vợ từ xa nhìn thấy chồng về, liền hỏi:

– Ông đã tranh luận với Đại sư của tôi, đức Như Lai, Ứng Cúng, Đấng Chánh Giác, thân sắc vàng ròng, tỏa sáng một tâm, thân thể đầy đặn như cây Ni-câu-luật, khéo nói Diệu pháp, bậc Tiên Nhân thượng thủ, đáng Mâu-ni tôn quý hay chưa?

Ông chồng đáp:

– Tôi chưa từng thấy chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, thiên thần hay người đời nào có thể tranh luận với Đại sư của bà, đức Như

<sup>40</sup> Nguyên tác: Sát (殺). S. 7.1 - I. 160: *Chetvā* (cắt đứt, đoạn trừ).

Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, thân sắc vàng ròng, tỏa sáng một tâm, thân thể đầy đặn như cây Ni-câu-luật, khéo nói Diệu pháp, bậc Tiên Nhân thượng thủ, đáng Mâu-ni tôn quý! Bây giờ bà sắm cho tôi một pháp y tốt, để tôi đem theo đến chỗ Thế Tôn xuất gia học đạo.

Người vợ liền lấy xấp vải tốt để may pháp y.

Lúc ấy, Bà-la-môn đem y đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Ngài, đứng qua một bên rồi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nay con có thể ở trong Chánh pháp của Thế Tôn mà xuất gia học đạo, tu hành Phạm hạnh chăng?

Đức Phật bảo vị Bà-la-môn:

– Ông nay có thể ở trong Chánh pháp và Giới luật này xuất gia học đạo, tu hành Phạm hạnh.

Sau khi được xuất gia rồi, Bà-la-môn ấy thường một mình ở chỗ vắng suy nghĩ đến lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác y cà-sa, có lòng tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo... (cho đến) đắc quả A-la-hán, tâm hoàn toàn giải thoát.

\*\*\*

### 1159. BÀ-LA-MÔN MA-CÙ<sup>41</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bây giờ, có Bà-la-môn tên là Ma-cù<sup>42</sup> đi đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi xong, ngồi sang một bên rồi thưa:

– Bạch Cù-đàm! Ở nhà con thường hay bố thí, nếu có một người đến, con ban cho một người, hai người cho đến trăm ngàn người con cũng đều ban cho. Con bố thí như thế có được nhiều phước chăng?

Đức Phật trả lời:

– Ông bố thí như thế, chắc chắn được phước rất lớn. Vì sao như vậy? Vì nhà ông thường hành bố thí, một người đến xin liền ban cho một người, hai người, ba người cho đến trăm ngàn người đến xin, ông cũng đều ban cho, như thế được phước rất lớn.

Bây giờ, Bà-la-môn Ma-cù liền nói kệ:

Tại gia thường tổ chức,	Những hội bố thí lớn,
Với sự bố thí này,	Muốn cầu công đức lớn.
Nay hỏi đấng Mâu-ni,	Những điều con cần biết,

<sup>41</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1159. 0309a20). Tham chiếu: *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.82. 0402b11); *Sn.* 3.5 - 87.

<sup>42</sup> Ma-cù (魔瞿, Māgha).

Giống chỗ biết Phạm thiên,  
Sao để được giải thoát,  
Phải tu tập thế nào,  
Vui bố thí thế nào,

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ đáp:

Người lập hội thí lớn,  
Hoan hỷ, tâm tịnh tín,  
Vớ sự kiến lập đó,  
Xa lìa các tham dục,  
Tu tập lòng từ bi,  
Lại càng thêm chí thành,  
Nếu ở trong hội ấy,  
Hướng đến khéo giải thoát,  
Nhân thù thắng như thế,  
Bố thí được như thế,  
Sẽ sanh về cõi Phạm,

Xin vì con phân giải.  
Về cõi lành, thắng diệu?  
Được sanh về cõi Phạm?  
Sanh cõi Phạm thù thắng?

Theo đó thích bố thí,  
Duyên theo công đức lành.  
Cầu xa lìa tội ác,  
Tâm kia khéo giải thoát.  
Công đức ấy vô lượng,  
Mở đại hội thí rộng.  
Có được các tâm lành,  
Hoặc đến đường thuận thiện.  
Được sanh về cõi Phạm,  
Nhờ tâm kia bình đẳng,  
Thọ mạng được lâu dài.

Bấy giờ, Bà-la-môn Ma-cù nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đứng dậy rời lui ra.

\*\*\*

### 1160. HAI LOẠI THANH TỊNH<sup>43</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Bà-la-môn dẫn đoàn tùy tùng cầm lọng vàng,<sup>44</sup> mặc xá-lặc<sup>45</sup> đi đến chỗ Phật, thăm hỏi nhau xong, ngồi sang một bên rồi nói kệ:

Phải là Bà-la-môn,  
Sát-lợi tu khổ hạnh,  
Bà-la-môn tam điển,<sup>46</sup>  
Người thanh tịnh như thế,

Sở hành mới thanh tịnh,  
Chẳng thể đưa đến tịnh.  
Đích thực là thanh tịnh,  
Chúng sanh khác không có.

Thế Tôn nói kệ đáp:

Không biết đạo thanh tịnh,  
Tìm tịnh ở nơi khác,

Và các tịnh vô thượng,  
Rốt cuộc không được tịnh.

<sup>43</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.1160. 0309b23). Tham chiếu: *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.83. 0402c08); S. 7.7 - I. 165.

<sup>44</sup> Nguyên tác: Kim cái (金蓋): Lọng vàng. Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là “hoa cái” (華蓋): Lọng hoa.

<sup>45</sup> Nguyên tác: Xá-lặc (舍勒), còn gọi là “xá-tra-ca” (舍吒迦, S. Sātaka). Bản Thánh ghi “kim-lặc” (金勒), “niết-bàn-tăng” (涅槃僧), nghĩa là hạ y, xá-rông.

<sup>46</sup> Tam điển (三典) chỉ cho vị Bà-la-môn tinh thông 3 bộ Vệ-đà.

Bà-la-môn bạch Phật:

– Cù-đàm vừa nói về đạo thanh tịnh và thanh tịnh vô thượng. Thế nào là đạo thanh tịnh? Thế nào là thanh tịnh vô thượng?

Đức Phật trả lời:

– Chánh kiến là đạo thanh tịnh. Nếu tu tập và tu tập thuần thực về chánh kiến thì đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân hận và đoạn trừ ngu si. Nếu Bà-la-môn nào đoạn tận tham dục, sân hận, ngu si, đoạn sạch tất cả phiền não, gọi là thanh tịnh vô thượng. Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định gọi là đạo thanh tịnh. Khi tu tập và tu tập thuần thực về chánh định rồi thì đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân hận và đoạn trừ ngu si. Nếu Bà-la-môn nào đoạn tận tham dục, sân hận, ngu si, đoạn sạch tất cả phiền não, gọi là thanh tịnh vô thượng.

Khi ấy, Bà-la-môn nói rằng:

– Cù-đàm còn giảng về đạo thanh tịnh và thanh tịnh vô thượng nữa chăng? Thế gian nhiều việc, bây giờ xin cáo từ.

Đức Phật đáp:

– Nên biết đúng lúc!

Bà-la-môn dẫn đoàn tùy tùng cầm lọng vàng, mặc xá-lặc ấy nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra về.

\*\*\*

### 1161. BÀ-LA-MÔN LA-HÁN<sup>47</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có vị Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, thăm hỏi Thế Tôn xong, ngồi sang một bên rồi dùng kệ hỏi Phật:

Thế nào là thi-la?<sup>48</sup>

Thế nào là công đức?

Tu pháp nào để thành,

Thế nào đủ oai nghi?

Thế nào gọi là nghiệp?

Bà-la-môn La-hán?

Đức Phật nói kệ đáp:

Trí biết được đời trước,

Các thọ sanh đã hết,

Thấy sanh thiên, cõi ác,

Mâu-ni<sup>49</sup> xác quyết rõ.

<sup>47</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1161. 0309c19). Tham chiếu: *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.84. 0403a08).

<sup>48</sup> Thi-la (尸羅): Giới luật.

<sup>49</sup> Mâu-ni (牟尼): Bạc Thánh hiền, bậc Tôn quý, bậc Tĩnh mặc.

Biết tâm khéo giải thoát,  
Đầy đủ cả Ba minh,<sup>50</sup>

Giải thoát tất cả tham,  
Ba minh Bà-la-môn.

Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

\*\*\*

## 1162. HAI VỢ CHỒNG GIÀ<sup>51</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Tôn giả A-nan theo sau Thế Tôn.

Bấy giờ, có hai vợ chồng già tuổi cao sức yếu, lưng còng như móc câu, đến chỗ đốt rác ở đầu ngõ hẻm rồi cùng ngồi xỏm mà hơ lửa.

Thế Tôn thấy hai vợ chồng già tuổi cao sức yếu, lưng còng như móc câu rồi cùng ngồi xỏm hơ lửa, giống như đôi chim hộc<sup>52</sup> già quần quýt bên nhau. Thấy rồi, Thế Tôn hỏi A-nan:

– Thầy có thấy hai vợ chồng già kia tuổi cao sức yếu, lưng còng như móc câu rồi cùng ngồi xỏm hơ lửa, giống như đôi chim hộc già quần quýt bên nhau chăng?

A-nan thưa:

– Thưa có, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo A-nan:

– Hai vợ chồng già này, thời trẻ tuổi tráng kiện, nếu chịu khó làm ăn thì họ có thể trở thành trưởng giả giàu có bậc nhất thành Xá-vệ; còn nếu cạo bỏ râu tóc, đắp y cà-sa, có lòng tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo, tinh cần tu tập thì cũng có thể chứng được quả vị cao nhất là A-la-hán. Nếu ở giai đoạn thứ hai của cuộc đời, thân thể vẫn tráng kiện, nếu siêng năng làm ăn thì họ có thể trở thành người giàu thứ hai thành Xá-vệ; còn nếu cạo bỏ râu tóc, đắp y cà-sa, có lòng tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo, tinh cần tu tập thì cũng có thể chứng quả A-na-hàm. Nếu ở giai đoạn thứ ba của cuộc đời, tức thời trung niên, nếu siêng năng làm ăn thì có thể trở thành người giàu thứ ba trong thành Xá-vệ; còn nếu cạo bỏ râu tóc, đắp y cà-sa, có lòng tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo, tinh cần tu tập thì cũng có thể chứng quả Tư-đà-hàm. Nhưng họ ngày hôm nay, tuổi già sức yếu, không có tiền tài, không có phương tiện, không có khả năng, cũng không giỏi giang, nếu muốn kiếm ra tiền bạc của cải cũng không có cách nào hơn người khác được.

<sup>50</sup> Tam minh (三明) gồm Túc mạng minh (宿命明), Thiên nhãn minh (天眼明) và Lộ tận minh (漏盡明).

<sup>51</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1162. 0310a04). Tham chiếu: *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.85. 0403a20).

<sup>52</sup> Nguyên tác: Hộc (鶻), một loài chim cổ dài, bay cao, còn gọi là thiên nga, ngỗng trời hoặc chim hộc.

Thế Tôn liền nói kệ:

Vì không tu Phạm hạnh,	Không tuổi trẻ, tài sản,
Suy nghĩ việc xa xưa,	Ngủ đất như cung công.
Không tu hành Phạm hạnh,	Không tuổi trẻ, tài sản,
Giống như chim học già,	Chết rũ nơi đầm trồng.

Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

### 1163. GIÀ, CHẾT VÀ BỐ THÍ<sup>53</sup>

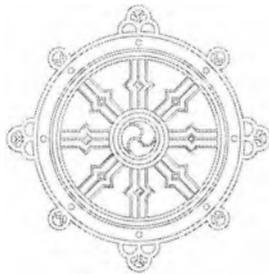
Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

*(Giống như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở bài kệ sau):*

Già, chết đưa đến hoại,	Thân và cảm thọ diệt,
Chỉ có phước bố thí,	Là tư lương theo mình.
Nương nơi thiện nhiếp hộ,	Tọa thiền, tu công đức,
Tùy sức mà bố thí,	Tiền tài và ẩm thực,
Tỉnh thức giữa quần mê,	Không để đời uổng phí.

Đức Phật nói kinh này xong, vị Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi ra đi.<sup>54</sup>



<sup>53</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1163. 0310b04). Tham chiếu: *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.86. 0403b10); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.87. 0403c12); A. 3.52-53 - I. 156.

<sup>54</sup> Bản Hán, hết quyển 42.